TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **618**/2023/DS-PT
Ngày: 19/12/2023
V/v: Tranh chấp chia thừa kế.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thu Hồng.

Các Thẩm phán: 1. Bà Trần Thị Thu Nam;
2. Ông Vũ Toàn Giang.

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Lê Minh Đức - Thư ký Toà án nhân dân Thành phố Hà Nội.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa*:** Bà Nguyễn Mai Thanh - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 12 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân Thành phố Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 378/2023/TLPT-DS ngày 20 tháng 10 năm 2023 về việc "Tranh chấp chia thừa kế".

Do Bản án sơ thẩm số 49/2023/DSST ngày 21/8/2023 của Tòa án nhân dân quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm 513/2023/QĐ-PT ngày 03/11/2023; Quyết định hoãn phiên tòa dân sự phúc thẩm số 526/2023/QĐHPT-PT ngày 28/11/2023; Thông báo về việc mở lại phiên tòa số 724/2023/TB-DS ngày 06/12/2023 của Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội, giữa các đương sự:

1/ Nguyên đơn:

1.1. Bà Vũ Thị Q, sinh năm 1953; hộ khẩu thường trú và trú tại: D, phường V, quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội.

1.2. Bà Vũ Thị H, sinh năm 1956; hộ khẩu thường trú và trú tại: Số 32 ngách 111/21, đường G, phường G, quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội.

2/ Bị đơn: Ông Vũ Trí Đ**,** sinh năm 1948; hộ khẩu thường trú: Số 23 phố T, phường B, quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội; trú tại: Phòng 0518, Tòa nhà I 423 M, phường V, quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Đức: Chị Vũ Huyền C, sinh năm 1983; (theo Giấy ủy quyền đề ngày 27/11/2023).

3/ Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

3.1.Bà Bà Nguyễn Thục A, sinh năm 1953;

3.2. Anh Vũ Quốc M, sinh năm 1985;

Cùng có hộ khẩu thường trú tại: Số 23 phố T, phường B, quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội.

Cùng trú tại: Phòng 0518, Tòa nhà I, 423 M, phường V, quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Thục A và anh M: Chị Nguyễn Thị L - sinh năm: 2000; nhân viên Công ty Luật TNHH CL (theo hợp đồng ủy quyền số: 2384/2023/HĐUQ ngày 06/4/2023 và số: 2384.1/2023/HĐUQ ngày 17/4/2023, quyết định số: 2384.2/2023/QĐ-GĐ ngày 13/4/2023 và quyết định số: 2384.3/2023/QĐ-GĐ ngày 18/4/2023 của Giám đốc Công ty Luật TNHH CL).

4/ Người làm chứng: Bà Nguyễn Thị Tuyết M, sinh năm 1953; địa chỉ: 306, tập thể 97ª, phố N, quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội.

5/ Người kháng cáo: Ông Vũ Trí Đ.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, các ý kiến trong quá trình Toà án giải quyết vụ án; các đồng nguyên đơn - trình bày:

Bố mẹ của các bà là cụ ông Vũ Đình M và cụ bà Nguyễn Thị Đ. Cụ M sinh năm 1919, chết năm 2008; cụ Đ chết năm 1997. Cụ M và cụ Đ có 04 người con ruột là: Ông Vũ Trí Đ, bà Vũ Thị C (chết năm 2022, không có chồng con), Bà Vũ Thị Q, Bà Vũ Thị H. Ngoài ra, các cụ không có vợ, chồng; không có con riêng, con nuôi, con ngoài giá thú nào khác. Khi các cụ chết không để lại di chúc.

Di sản cụ M và cụ Đ để lại gồm 01 nhà đất duy nhất tại số 23 phố T, phường B, quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội (sau đây gọi tắt là nhà số 23 phố T). Ngoài ra, không có bất kỳ di sản thừa kế nào khác. Nhà đất tại đây thuộc thửa đất số 282/1F, tờ bản đồ B3 lập 1956 diện tích đất: 53,8m^2, hình thức sử dụng: sử dụng chung. Tài sản gắn liền với đất là nhà tầng 1 có diện tích 25,1m^2, thuộc sở hữu của cụ Vũ Đình M thể hiện tại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (sau đây gọi tắt là GCNQSDĐ) số: AĐ 967248, Ủy ban nhân dân quận Hoàn Kiếm cấp ngày 29/5/2006 (sân, lối đi, phụ chung trong biển số nhà sử dụng chung).

Nhà đất tại số 23 phố T từ sau khi cụ M và cụ Đ chết vẫn giữ nguyên hiện trạng gồm có 02 buồng: 01 buồng do gia đình Ông Vũ Trí Đ quản lý sử dụng, 01 buồng do bà C quản lý sử dụng. Sau khi bà C chết vào ngày 10/06/2022 thì Bà H, bà Q quản lý phần diện tích này. Ngoài ra, còn có diện tích phụ dùng chung trong toàn bộ biển số nhà 23 phố T. Diện tích cụ thể và hiện trạng đúng như số liệu thể hiện tại biên bản thẩm định tài sản của Tòa án. Tại cả 02 diện tích trên đều có gác xép gỗ do cụ M và cụ Đ làm từ năm 1995, không có công sức gì của các con. Đến

thời điểm hiện tại, gia đình Ông Vũ Trí Đ đã phá khóa cửa phần diện tích trước đây bà C và quản lý toàn bộ nhà đất tại số 23 phố T.

Đồng nguyên đơn yêu cầu được chia thừa kế theo pháp luật bằng hiện vật, cụ thể là phần diện tích mà bà C quản lý sử dụng trước khi chết. Nếu được chia bằng hiện vật, đồng nguyên đơn tự nguyện không yêu cầu Tòa án phân định rõ kỷ phần của từng người, tự chia kỷ phần của hai bà.

Ngoài ra đồng nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết bất kỳ vấn đề nào khác.

Tại bản tự khai ngày 17/5/2023 và quá trình giải quyết vụ án, bị đơn - Ông Vũ Trí Đ và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan làBà Bà Nguyễn Thục A, Anh Vũ Quốc M thống nhất trình bày:

Cụ ông Vũ Đình M và cụ bà Nguyễn Thị Đ có 04 người con chung lần lượt là: Ông Vũ Trí Đ, bà Vũ Thị C, Bà Vũ Thị Q và Bà Vũ Thị H. Ngoài 04 anh chị em ruột trên, cụ M và cụ Đ không có con riêng, con nuôi, con ngoài giá thú nào khác. Khi cụ M, cụ Đ chết có để lại 01 di sản duy nhất là nhà đất tại số 23 phố T.

Ông Vũ Trí Đ lấy vợ làBà Bà Nguyễn Thục A, có con gái Vũ Huyền Chi (sinh năm 1983) và con trai Vũ Quốc M (sinh năm 1985).

Năm 1995, được sự cho phép của chính quyền phường B, cụ M và cụ Đ đã chia nhà đất tại số 23 phố T ra làm 02 phần: Hai cụ cùng bà C ở gian nhà bên trái từ ngoài nhìn vào và đã cho gia đình Ông Vũ Trí Đ ở gian bên phải từ ngoài nhìn vào (hiện tại ông không xuất trình được tài liệu chứng cứ chứng minh về việc này). Cụ M và cụ Đ cũng nhiều lần nói với cả gia đình và họ hàng là chia đôi để con trai một nửa (gian bên phải từ ngoài nhìn vào) và 03 người con gái chung một nửa (gian bên trái từ ngoài nhìn vào). Các diện tích trên có diện tích cụ thể và gác xép gỗ như Tòa án sơ thẩm đã thẩm định là đúng.

Ngày 23/12/1997, cụ Đ chết không để lại di chúc. Năm 2007, cụ M có làm di chúc có nội dung 1/2 cho con trai là Ông Vũ Trí Đ (hiện Ông Vũ Trí Đ đang quản lý sử dụng), 1/2 cho 03 người con gái là các bà C, Q, Hòa. Sau khi làm di chúc xong, cụ M có đọc cho các con nghe, bao gồm vợ chồng Ông Vũ Trí Đ,Bà Bà Nguyễn Thục A, bà C, bà Q, Bà H. Ngày 09/10/2008, cụ M chết thì di chúc, sổ đỏ do bà C giữ.

Năm 2022, bà C giao lại di chúc cho Bà H cất giữ (tuy nhiên gia đình ông không xuất trình được bản di chúc này).

Ngày 10/06/2022, bà C chết; bà C không có chồng con. Trước đó, bà C có lập Vi bằng kèm di chúc, theo đó bà C để lại cho anh Vũ Quốc M toàn bộ tài sản, giấy tờ cũng như toàn bộ phần tài sản mà bà C được hưởng theo di chúc của cụ M để lại đối với nhà đất tại số 23 phố T.

Nay bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thuộc gia đình bị đơn đều thống nhất ý kiến: Đề nghị Tòa án công nhận phần diện tích gia đình Ông Vũ

Trí Đ đang quản lý sử dụng (gian bên phải từ ngoài nhìn vào) là của cụ M và cụ Đ đã cho Ông Vũ Trí Đ. Phần diện tích còn lại (gian bên trái từ ngoài nhìn vào) chia đều cho 03 bà con gái. Kỷ phần của bà C đề nghị Tòa án công nhận di chúc của bà C lập theo Vi bằng tại Văn phòng thừa phát lại Ba Đình ngày 06/6/2022 đã để lại cho anh Vũ Quốc M. Nhà đất tại đây vẫn giữ nguyên hiện trạng kể từ khi cụ M và cụ Đ chết.

Đối với phần công sức của Ông Vũ Trí Đ,Bà Bà Nguyễn Thục A đã trình bày tại bản tự khai ngày 17/5/2023; đại diện theo ủy quyền của Ông Vũ Trí Đ,Bà Bà Nguyễn Thục A là chị Liên tự nguyện không yêu cầu Tòa án giải quyết toàn bộ phần công sức đóng góp của ông bà tại đây. Xác định toàn bộ di sản cũng như công sức sửa chữa xây dựng nhà, công sức đóng góp khi mua nhà theo Nghị định 61/CP của Chính phủ và khi làm Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSDĐ) là của cụ M và cụ Đ.

Ngoài ra, Ông Vũ Trí Đ,Bà Bà Nguyễn Thục A, anh Vũ Quốc M không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề nào khác.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 49/2023/DSST ngày 21/8/2023 về "Tranh chấp chia thừa kế" của Tòa án nhân dân quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội đã quyết định như sau:

[1] Chấp nhận đơn khởi kiện của Bà Vũ Thị H, Bà Vũ Thị Q đối với Ông Vũ Trí Đ về việc chia thừa kế.

[2] Xác định thời điểm mở thừa kế của cụ Đ là ngày 23/12/1997; thời điểm mở thừa kế của cụ M là ngày 09/10/2008.

[3] Xác định hàng thừa kế thứ nhất theo pháp luật của cụ Vũ Đình M và cụ Nguyễn Thị Đ là Ông Vũ Trí Đ, Bà Vũ Thị Q và Bà Vũ Thị H.

[4] Xác định di sản thừa kế của cụ Vũ Đình M và cụ Nguyễn Thị Đ là nhà đất tại 23 phố T, phường B, quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội thuộc thửa đất số 282/1F, tờ bản đồ B3 lập 1956 diện tích đất: 53,8m^2, hình thức sử dụng: sử dụng chung. Tài sản gắn liền với đất: nhà tầng 1 có diện tích 25,1m^2, hình thức sử dụng: sử dụng riêng, thuộc sở hữu của cụ Vũ Đình M thể hiện tại GCNQSDĐ số: AĐ 967248, Ủy ban nhân dân quận Hoàn Kiếm cấp ngày 29/5/2006 (sân, lối đi, phụ chung trong biển số nhà sử dụng chung).

[5] Di sản trên có giá trị là 10.653.092.600đ (mười tỷ, sáu trăm năm mươi ba triệu, không trăm chín hai nghìn, sáu trăm đồng) được chia thừa kế theo pháp luật và được chia đều cho hàng thừa kế thứ nhất gồm: Ông Vũ Trí Đ, bà Q, Bà H mỗi người được hưởng 1/3. Giá trị mỗi người được hưởng là: 3.551.030.866đ (ba tỷ, năm trăm năm mốt triệu, không trăm ba mươi nghìn tám trăm sáu sáu đồng).

[6] Chia bằng hiện vật*:*

Ông Vũ Trí Đ được sở hữu sử dụng toàn bộ diện tích nhà đất tại tầng 1 phía bên phải từ mặt phố T nhìn vào (hiện do gia đình Ông Vũ Trí Đ,Bà Bà Nguyễn Thục

A quản lý sử dụng) có diện tích: 11,9m^2 có giá trị: Giá trị nhà 4.426.000đ/m^2 x 11,9m^2 = 52.669.400đ; Giá trị chuyển nhượng quyền sử dụng đất 420.000.000đ/m^2 x 11,9m^2 = 4.998.000.000đ. Tổng giá trị nhà đất là: 5.050.669.400đ. Ông Vũ Trí Đ,Bà Bà Nguyễn Thục A được quản lý sử dụng phần gác xép gỗ có diện tích: 15,5m^2, có giá trị 7.114.500đ.

Bà Q và Bà H được sở hữu sử dụng toàn bộ diện tích nhà đất tại tầng 1 phía bên trái từ mặt phố T nhìn vào có diện tích: 12.3 m^2 + 0,9 m^2 (lối đi từ diện tích các cụ và bà C sử dụng ra khu phụ chung) = 13,2m^2 có giá trị nhà: 4.426.000đ/m^2 x 13,2m^2 = 58.423.200đ ; Giá trị chuyển nhượng quyền sử dụng đất là 420.000.000đ/m^2 x 13,2m^2 = 5.544.000.000đ. Tổng giá trị nhà đất là: 5.602.423.200đ. Bà Q và Bà H được quản lý sử dụng phần gác xép gỗ có diện tích 7,4m^2 có giá trị 3.396.600đ.

[7] Ông Vũ Trí Đ có trách nhiệm thanh toán cho Bà H và bà Q số tiền chênh lệch theo kỷ phần là: 5.050.669.400đ - 3.551.030.866đ = 1.499.638.534đ. Bà H, bà Q mỗi người được hưởng số tiền là: 749.819.267đ (bảy trăm bốn chín triệu, tám trăm mười chín nghìn hai trăm sáu bảy đồng).

[8] Ghi nhận sự tự nguyện của Bà H, bà Q không yêu cầu phân chia cụ thể bằng hiện vật diện tích hai bà được hưởng, các bà tự nguyện tự chia kỷ phần của hai bà.

(Các diện tích trên được thể hiện tại bản sơ đồ do Tòa án xem xét thẩm định lập ngày 20/4/2023 kèm theo bản án này).

[9] Ông Vũ Trí Đ, bà Q, Bà H được sử dụng chung diện tích sân, lối đi, phụ chung trong biển số nhà sử dụng chung thể hiện tại GCNQSDĐ số: AĐ 967248, Ủy ban nhân dân quận Hoàn Kiếm cấp ngày 29/5/2006 cho cụ Vũ Đình M.

[10] Ông Vũ Trí Đ, bà Q, Bà H có trách nhiệm đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục sang tên theo quy định pháp luật.

Ngoài ra, bản án còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo.

Sau phiên tòa sơ thẩm, ông Vũ Trí Đ có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm,

Ông Vũ Trí Đ và người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Ông xác nhận di sản thừa kế là nhà đất số 23 phố T là của bố mẹ ông là cụ Vũ Đình M và cụ Nguyễn Thị Đ để lại. Quá trình ở tại đây ông và vợ ông có sửa chữa nhỏ để phục vụ sinh hoạt nhưng ông không yêu cầu tính công sức.

Ông kháng cáo đề nghị Tòa cấp phúc thẩm chấp nhận ý chí của bà Vũ Thị C trong di chúc để lại cho con trai ông là Vũ Quốc M. Bà H và bà Q có hành vi, cư xử không đúng với bà C nên không được hưởng thừa kế của bà C; ông đề nghị chia cho anh Vũ Quốc M 1/3 của nửa nhà và xin nhận bằng hiện vật là nhà đất để ghép với phần nhà đất ông được chia theo bản án sơ thẩm. Các nội dung khác của bản án sơ

thẩm như di sản, hàng thừa kế, vị trí nhà thì ông không kháng cáo.

Gia đình cụ M và cụ Đ chuyển về nhà đất tại 23 phố T khoảng năm 1979-1980. Năm 1982, ông lấy vợ. Năm 1995, cụ M và cụ Đ xây bức tường ngăn chia nhà thành hai phần, phần nhà bên phải đứng từ phố T nhìn vào vợ chồng ông ở; phần nhà bên trái đứng từ phố T nhìn vào cụ M, cụ Đ và bà C ở. Cụ M, cụ Đ và bà C buôn bán nhỏ lẻ tại mặt phố T. Khi cụ M, cụ Đ chết thì các anh chị em đều lo tang lễ cho bố mẹ. Cụ M, cụ Đ có để lại di chúc cho ông ½ nhà và ½ cho các con gái. Ông có khai là Bà H cầm di chúc này nhưng ông không có tài liệu chứng minh.

Bà C không có chồng con ở cùng bố mẹ từ nhỏ. Khoảng đầu năm 2022, bà C đi thuê nhà. Ngày 30/05/2022, bà C nhập viện vì bị ung thư gan; gia đình ông không báo ngay cho bà Q, Bà H vì bà C không cho báo. Ngày 06/06/2022, bà C lập di chúc để lại toàn bộ tài sản nếu được hưởng cho anh Vũ Quốc M con trai ông. Di chúc do Văn phòng thừa phát lại soạn và lập Vi Bằng theo ý kiến của bà C tại phòng bệnh bà C ở tại Bệnh viện Xanh Pôn. Anh Vũ Quốc M là người thuê Văn phòng thừa phát lại theo ý kiến của bà C.

Phần nhà bên trái đứng từ phố T nhìn vào (trước đây bà C ở) thì tháng 6/2023 gia đình ông đã thay khóa và quản lý, thỉnh thoảng ông có mở cửa để dọn dẹp. Hiện nay, gia đình ông vẫn ở tại phòng 0518, Tòa nhà I 423 M là nhà của anh Vũ Quốc M và quản lý cả hai phần nhà tại số 23 phố T.

Bà Vũ Thị Q, Vũ Thị H trình bày:

Các bà không đồng ý với yêu cầu kháng cáo của Ông Vũ Trí Đ vì các bà khẳng định bố mẹ các bà không để lại di chúc nào cả; di chúc của bà C mà Ông Vũ Trí Đ nói đến không phải là ý chí của bà C. Người đại diện theo ủy quyền của Ông Vũ Trí Đ trình bày hai bà có hành vi cư xử không đúng mực là không đúng sự thật. Tình cảm của chị em các bà rất tốt. Bà C chỉ có xích mích vớiBà Bà Nguyễn Thục A chứ không phải với hai bà.

Từ tháng 1/2018, bà C bị bệnh xuất huyết não và để tiện chăm sóc bà C thì từ tháng 1/2018 đến tháng 7/2019 Bà H đã đón bà C về nhà Bà H để chăm sóc. Sau đó, Bà H đi miền Nam thì bà Q đón bà C về nhà bà Q chăm sóc. Đến tháng 1/2022, khi nhà bà Q cải tạo nhà thì bà C đi thuê nhà ở. Bà C nhập viện bệnh nan y từ ngày 30/05/2022 mà chỉ đến chiều ngày 06/6/2022; sau 3h kể từ khi gia đình Ông Vũ Trí Đ lập xong Vi bằng thìBà Bà Nguyễn Thục A (vợ Ông Vũ Trí Đ) mới báo cho hai bà biết về việc bà C đang nằm bệnh viện với tình trạng rất nặng.

Tháng 9/2022, các bà khởi kiện yêu cầu chia thừa kế nhà đất tại số 23 phố T; đề nghị Tòa án không chấp nhận kháng cáo của Ông Vũ Trí Đ, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Bà Nguyễn Thục A trình bày:

Bà là vợ của Ông Vũ Trí Đ, khoảng năm 2015-2016 giữa bà và bà C có khúc mắc về chỗ bán hàng, bà C viết đơn kiện bà gửi lên phường nhưng sau đó thì giữa

bà và bà C đã hòa giải và mối quan hệ lại tốt đẹp. Gần những năm cuối đời thì bà C thấy anh Vũ Quốc M yêu thương, quan tâm đến bà C thực lòng nên bà C mới tự nguyện viết di chúc để lại tài sản cho anh Vũ Quốc M. Bà báo cho bà Q, Bà H là bà C nằm viện vào chiều ngày 06/06/2022 vì thấy bà C bệnh trở nặng. Bà đồng ý với ý kiến của Ông Vũ Trí Đ, đề nghị Hội đồng xét xử chia cho anh Vũ Quốc M phần tài sản của bà C.

Bà Nguyễn Thị Tuyết M trình bày:

Bà là bạn thân của bà Vũ Thị C đã mấy chục năm. Đầu năm 2022, bà C đi thuê nhà của cháu bà để ở. Ngày 06/06/2022, bà có đến thăm bà C tại bệnh viện và có chứng kiến việc lập Vi Bằng bà C giao di chúc cho anh Q. Nội dung di chúc thế nào thì bà không được đọc và cũng không rõ nội dung.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hà Nội tham gia phiên toà phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Hội đồng xét xử và các đương sự tuân thủ đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự từ giai đoạn thụ lý vụ án đến phiên toà xét xử vụ án.

Về nội dung: Các đương sự đều công nhận nhà đất số 23 phố T là di sản thừa kế của cụ M, cụ Đ để lại. Việc Ông Vũ Trí Đ cho rằng cụ M có để lại di chúc do bà Hoà giữ không giao nộp; Bà H và bà Q không xác nhận; Ông Vũ Trí Đ không có tài liệu chứng cứ nên không có căn cứ để chấp nhận. Đối với việc Ông Vũ Trí Đ cho rằng bà C đã để lại di chúc cho anh Vũ Quốc M. Tuy nhiên, di chúc này không phải do bà C viết; không được công chứng, chứng thực theo đúng quy định của pháp luật; không có người làm chứng; không có sự làm chứng của cán bộ y tế nơi bệnh viện bà C đang chữa trị. Do đó, di chúc không hợp pháp. Ông Vũ Trí Đ không kháng cáo về nội dung chia hiện vật; hơn nữa nhà số 23 phố T đã được chia thành hai phần nhà riêng biệt từ năm 1995. Do vậy, Tòa án sơ thẩm chia hiện vật như hiện trạng là có căn cứ.

Đề nghị Hội đồng xét xử, áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 không chấp nhận kháng cáo của Ông Vũ Trí Đ; giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 49/2023/DS-ST ngày 12/8/2023 của Tòa án nhân dân quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội.

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Về kháng cáo: Kháng cáo của Ông Vũ Trí Đ đảm bảo về chủ thể, hình thức, nội dung và trong thời hạn kháng cáo theo quy định tại Điều 271, Điều 272, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về sự vắng mặt của các đương sự tại phiên toà phúc thẩm: Các đương sự đều

đã được tống đạt hợp lệ đến tham gia phiên tòa lần thứ hai. Tại phiên toà hôm nay, có mặt đầy đủ các đương sự gồm: Bà Vũ Thị Q, Bà Vũ Thị H, Ông Vũ Trí Đ, chị Vũ Huyền Chi,Bà Bà Nguyễn Thục A, Chị Nguyễn Thị L - người đại diện theo ủy quyền của ông Vũ Quốc M.

[2] Xét kháng cáo của Ông Vũ Trí Đ:

[2.1] Về nội dung vụ án:

Về hàng thừa kế: Cụ bà Nguyễn Thị Đ, chết năm 1997; cụ ông Vũ Đình M, sinh năm 1919, chết năm 2008. Cụ M và cụ Đ có 04 người con chung là Ông Vũ Trí Đ, bà Vũ Thị C, Bà Vũ Thị Q và Bà Vũ Thị H. Cụ M và cụ Đ không có con riêng, con nuôi, con ngoài giá thú nào khác.

Các đương sự đều xác nhận bố mẹ đẻ của cụ M và cụ Đ đã chết từ lâu; trước khi cụ M, cụ Đ chết. Bà Vũ Thị C chết năm 2022, không có chồng, con.

Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm xác định hàng thừa kế thứ nhất theo pháp luật của cụ M và cụ Đ là Ông Vũ Trí Đ, Bà Vũ Thị Q, Bà Vũ Thị H là phù hợp với điểm a khoản 1 Điều 679 Bộ luật dân sự năm 1995 ; điểm a khoản 1 Điều 676 Bộ luật Dân sự năm 2005.

Về di sản thừa kế và nguồn gốc nhà đất: Khi còn sống, cụ M và cụ Đ tạo lập được khối tài sản là nhà đất tại số 23 phố T, phường B, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội thuộc thửa đất số 282/1F, tờ bản đồ B3 lập 1956 diện tích đất: 53,8m^2, hình thức sử dụng: sử dụng chung. Tài sản gắn liền với đất: nhà tầng 1 có diện tích 25,1m^2, hình thức sử dụng: sử dụng riêng, thuộc sở hữu của cụ Vũ Đình M thể hiện tại GCNQSDĐ số: AĐ 967248, Ủy ban nhân dân quận Hoàn Kiếm cấp ngày 29/5/2006 (sân, lối đi, phụ chung trong biển số nhà sử dụng chung).

Tài sản này được tạo lập trong thời kỳ hôn nhân của hai cụ nên thuộc quyền sở hữu hợp pháp của cụ M và cụ Đ và là di sản thừa kế của cụ M và cụ Đ. Tại bản tự khai ngày 17/5/2023, vợ chồng Ông Vũ Trí Đ trình bày trong quá trình quản lý sử dụng, ông bà có sửa chữa xây tường, sơn cửa theo yêu cầu của Ủy ban phường B, khi tôn tạo phố cổ, đóng thuế và khi mua hóa giá nhà theo Nghị định 61/CP của Chính phủ để được cấp GCNQSDĐ. Tuy nhiên, ông bà tự nguyện nhập công sức này vào khối tài sản chung của các cụ. Xét đây là sự tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật nên Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận và xác định toàn bộ giá trị tài sản nhà đất trên là di sản của cụ M và cụ Đ là phù hợp và có căn cứ.

Ngoài ra, các diện tích trên đều có gác xép gỗ. Các đương sự đều xác nhận toàn bộ gác xép gỗ là do cụ M, cụ Đ tạo lập. Các thừa kế không có công sức xây dựng. Tòa án đã xác minh tại Ủy ban nhân dân phường B nhưng không có tài liệu lưu giữ về việc xây dựng. Vì vậy. Tòa án cấp sơ thẩm tiếp tục giao cho các thừa kế của cụ M, cụ Đ được tiếp tục quản lý, sử dụng là có căn cứ.

Tại Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ (có sơ đồ kèm theo) và biên bản định giá ngày 18/4/2023 ; Hội đồng định giá do Tòa án nhân dân quận Hoàn Kiếm thành lập đã định giá giá trị chuyển quyền sử dụng đất là 420.000.000đ/m^2. Hiện trạng nhà đất có mặt tiền giáp mặt phố T, đã ngăn chia thành 02 diện tích riêng biệt. Cụ thể, diện tích bên phải (từ phố T nhìn vào) do gia đình Ông Vũ Trí Đ quản lý, sử dụng. Diện tích bên trái (từ phố T nhìn vào) trước đây do cụ M, cụ Đ và bà C quản lý, sử dụng; có 01 lối đi giáp phía cuối cùng của diện tích nhà Ông Vũ Trí Đ sử dụng để đi ra phía sân, phụ dùng chung.

Sau khi bà C chết, từ tháng 6/2023 gia đình Ông Vũ Trí Đ thay khóa mới và trực tiếp quản lý, sử dụng, không có sự thỏa thuận của bà Q, Bà H và phát sinh tranh chấp chia thừa kế.

Theo biên bản định giá ngày 18/4/2023, Tòa án đã định giá và xác định giá trị di sản thừa kế của cụ M và cụ Đ là nhà đất tại số 23 phố T cụ thể:

Phần nhà đất tại tầng 1 phía bên phải (từ mặt phố T nhìn vào) hiện do gia đình Ông Vũ Trí Đ,Bà Bà Nguyễn Thục A quản lý sử dụng có diện tích: 11,9m^2 có giá trị: Giá trị nhà 4.426.000đ/m^2 x 11,9m^2 = 52.669.400đ; Giá trị chuyển nhượng quyền sử dụng đất 420.000.000đ/m^2 x 11,9m^2 = 4.998.000.000đ. Tổng giá trị nhà đất là: 5.050.669.400đ. Ông Vũ Trí Đ,Bà Bà Nguyễn Thục A được quản lý, sử dụng phần gác xép gỗ có diện tích: 15,5m^2, có giá trị 7.114.500đ.

Phần nhà đất tại tầng 1 phía bên trái (từ mặt phố T nhìn vào) hiện khóa cửa có diện tích: 12.3 m^2 + 0,9 m^2 (lối đi từ diện tích các cụ và bà C sử dụng ra khu phụ chung) = 13,2m^2 có giá trị nhà: 4.426.000đ/m^2 x 13,2m^2 = 58.423.200đ ; Giá trị chuyển nhượng quyền sử dụng đất là 420.000.000đ/m^2 x 13,2m^2 = 5.544.000.000đ. Tổng giá trị nhà đất là: 5.602.423.200đ. Bà Q và Bà H được quản lý sử dụng phần gác xép gỗ có diện tích 7,4m^2 có giá trị 3.396.600đ.

Về diện tích lối đi và khu phụ chung vì là diện tích sử dụng chung nên Hội đồng định giá không định giá.

Hội đồng xét xử nhận thấy, di sản thừa kế thực tế đã được cụ M, cụ Đ chia và sử dụng riêng biệt từ năm 1995. Cả hai bên nguyên đơn, bị đơn đều không có yêu cầu nhận thừa kế toàn bộ di sản và thanh toán tiền cho các thừa kế khác. Do vậy, Tòa án cấp sơ thẩm chia thừa kế và giữ nguyên hiện trạng nhà là hai phần là phù hợp. Ông Vũ Trí Đ cũng không có kháng cáo về trị giá di sản, về hàng thừa kế, diện tích nhà và vị trí được chia; do vậy, cần giữ nguyên các nội dung này của bản án sơ thẩm.

[2.2] Xét kháng cáo của Ông Vũ Trí Đ về việc cụ Vũ Đình M có để lại di chúc:

Ông Vũ Trí Đ khai khi cụ M chết có để lại di chúc và di chúc này hiện Bà H cất giữ. Tuy nhiên, Bà H không công nhận và khẳng định cụ M và cụ Đ không để lại di chúc. Ngoài lời khai, Ông Vũ Trí Đ không xuất trình được chứng cứ nào để

chứng minh cụ M, cụ Đ để lại di chúc; hoặc ý chí của hai cụ chia cho ông phần nhà bên phải; chia đều cho ba bà con gái phần nhà bên trái (từ phố T nhìn vào). Do vậy, không có cơ sở chấp nhận nội dung kháng cáo của Ông Vũ Trí Đ về nội dung này.

[2.3] Xét kháng cáo của Ông Vũ Trí Đ về việc yêu cầu công nhận văn bản đề ngày 06/06/2022 là di chúc của bà Vũ Thị C:

Hội đồng xét xử nhận thấy, về nội dung Vi bằng số 2966/VB-TPLBĐ ngày 06/06/2022, thừa phát lại Nguyễn Công Khanh ghi nhận sự kiện bà C trực tiếp đưa cho anh Vũ Quốc M 01 văn bản đề ngày 06/06/2022 có tiêu đề là di chúc của bà C và anh Vũ Quốc M đồng ý nhận văn bản đó. Vi bằng không ghi nhận về nội dung của di chúc cũng như tính hợp pháp của di chúc.

Xét về giá trị pháp lý của di chúc đề ngày 06/06/2022: Hội đồng xét xử nhận thấy, di chúc gồm hai trang, trang 2 có chữ ký và chữ viết ghi Vũ Thị C, trang 1 có chữ ký không ghi tên. Di chúc không có người làm chứng, không có công chứng hoặc chứng thực theo quy định của pháp luật; do vậy, thuộc trường hợp di chúc bằng văn bản không có người làm chứng theo Điều 627; khoản 1 Điều 628 Bộ luật dân sự năm 2015. Theo quy định tại Điều 633 Bộ luật Dân sự năm 2015: Di chúc bằng văn bản không có người làm chứng: *Người lập di chúc phải **tự viết** và ký vào bản di chúc*. Tuy nhiên, trong di chúc đề ngày 06/06/2022 là văn bản đánh máy, không phải văn bản do bà Vũ Thị C tự viết. Theo quy định tại Điều 634 của Bộ luật Dân sự năm 2015: *Trường hợp người lập di chúc không tự mình viết bản di chúc thì có thể tự mình đánh máy hoặc nhờ người khác viết hoặc đánh máy bản di chúc nhưng **phải có ít nhất hai người làm chứng**. Người lập di chúc phải ký hoặc điểm chỉ vào bản di chúc **trước mặt những người làm chứng**; những người làm chứng xác nhận chữ ký, điểm chỉ của người lập di chúc và **ký vào bản di chúc***. Nội dung di chúc đề ngày 06/06/2022 là để lại toàn bộ kỷ phần bà C được hưởng của bố mẹ và các tài sản khác của bà C cho anh Vũ Quốc M sau khi chết. Bà Long Thị Nguyệt và Bà Nguyễn Thị Tuyết M không chứng kiến việc bà C lập di chúc, không ký vào văn bản với tư cách người làm chứng mà chỉ chứng kiến việc bà C đưa cho anh Vũ Quốc M văn bản này.

Địa điểm lập văn bản đề ngày 06/06/2022 ghi tại bệnh viện đa khoa Xanh Pôn, khi bà C đang điều trị tại bệnh viện. Tuy nhiên, không có xác nhận của người phụ trách bệnh viện nên không thuộc trường hợp di chúc bằng văn bản có giá trị như di chúc được công chứng, chứng thực theo quy định tại khoản 3 Điều 638 Bộ luật Dân sự năm 2015. Ngoài ra, các đương sự đều xác nhận bà C vào bệnh viện Xanh Pôn ngày 30/05/2022 để điều trị bệnh ung thư gan, sáng ngày 10/06/2022 thì bà C chết; chiều ngày 06/06/2022, sau khi đã lập xong Vi bằng thì gia đình Ông Vũ Trí Đ mới báo cho các chị em khác của bà C việc bà C nhập viện với tình trạng bệnh nặng thể hiện sự không vô tư.

Do vậy, không có căn cứ xác định di chúc ngày 06/06/2022 là ý chí của bà C; không có căn cứ xác định chữ ký trong di chúc ngày 06/06/2022 này là chữ ký, dấu

vân tay của bà C. Di chúc ngày 06/06/2022 không đủ điều kiện là di chúc hợp pháp theo các phân tích và viện dẫn ở trên. Ngoài ra, tại cấp sơ thẩm Anh Vũ Quốc M không có yêu cầu độc lập về việc xin hưởng phần tài sản của bà C; cũng không có ý kiến nếu di chúc hợp pháp thì nhập phần anh Vũ Quốc M được hưởng vào phần Ông Vũ Trí Đ được chia nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của Ông Vũ Trí Đ về nội dung này.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử không chấp nhận toàn bộ yêu cầu kháng cáo của ông Vũ Trí Đ.

[3] Về án phí:

Về án phí dân sự sơ thẩm: Do nguyên đơn - Bà Vũ Thị Q, Bà Vũ Thị H được chấp nhận yêu cầu khởi kiện nên bị đơn - Ông Vũ Trí Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Về án phí dân sự phúc thẩm: Do không được chấp nhận kháng cáo nên người kháng cáo - ông Vũ Trí Đ phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Tuy nhiên, Ông Vũ Trí Đ, sinh năm 1948, là người cao tuổi nên được miễn án phí theo Điều 2 Luật người cao tuổi năm 2009 nên được miễn án phí dân sự sơ thẩm, phúc thẩm.

Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hà Nội về việc không chấp nhận kháng cáo của Ông Vũ Trí Đ phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Tuy nhiên, cần sửa điều luật áp dụng và cách tuyên của bản án sơ thẩm để đảm bảo thi hành án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Điều 636, Điều 648, Điều 677, điểm a khoản 1 Điều 679 Bộ luật dân sự năm 1995;
- Điều 633, Điều 645, Điều 675, Điều 676 Bộ luật Dân sự năm 2005;
- Khoản 2 Điều 468, khoản 1 Điều 623, Điều 627, khoản 1 Điều 628, Điều 633, Điều 634, khoản 3 Điều 638, khoản 1 Điều 688, Bộ luật Dân sự năm 2015;
- Pháp lệnh thừa kế năm 1990;
- Điều 2 Luật người cao tuổi năm 2009;
- Điều 271, Điều 272, Điều 273, khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;
- Điểm d khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 cúa Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

Không chấp nhận kháng cáo của ông Vũ Trí Đ; sửa Bản án sơ thẩm số 49/2023/DSST ngày 21/8/2023 của Tòa án nhân dân quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội cụ thể như sau:

[1] Chấp nhận đơn khởi kiện của Bà Vũ Thị H, Bà Vũ Thị Q đối với Ông Vũ Trí Đ về việc chia thừa kế.

[2] Xác định thời điểm mở thừa kế của cụ Nguyễn Thị Đ là ngày 23/12/1997; thời điểm mở thừa kế của cụ Vũ Đình M là ngày 09/10/2008.

[3] Xác định hàng thừa kế thứ nhất theo pháp luật của cụ Vũ Đình M và cụ Nguyễn Thị Đ là Ông Vũ Trí Đ, Bà Vũ Thị Q và Bà Vũ Thị H.

[4] Xác định di sản thừa kế của cụ Vũ Đình M và cụ Nguyễn Thị Đ là nhà đất tại 23 phố T, phường B, quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội thuộc thửa đất số 282/1F, tờ bản đồ B3 lập 1956 diện tích đất: 53,8m^2, hình thức sử dụng: sử dụng chung. Tài sản gắn liền với đất: Nhà tầng 1 có diện tích 25,1m^2, hình thức sử dụng: sử dụng riêng, thuộc sở hữu của cụ Vũ Đình M thể hiện tại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: AĐ 967248, Ủy ban nhân dân quận Hoàn Kiếm cấp ngày 29/5/2006 (sân, lối đi, phụ chung trong biển số nhà sử dụng chung).

[5] Di sản trên có giá trị là 10.653.092.600đ (mười tỷ, sáu trăm năm mươi ba triệu, không trăm chín hai nghìn, sáu trăm đồng) được chia thừa kế theo pháp luật và được chia đều cho hàng thừa kế thứ nhất gồm: Ông Vũ Trí Đ, Bà Vũ Thị Q, Bà Vũ Thị H mỗi người được hưởng 1/3. Giá trị mỗi người được hưởng là: 3.551.030.866đ (ba tỷ, năm trăm năm mốt triệu, không trăm ba mươi nghìn, tám trăm sáu mươi sáu đồng).

[6] Chia bằng hiện vật:

Ông Vũ Trí Đ được sở hữu, sử dụng toàn bộ diện tích nhà đất tại tầng 1 phía bên phải từ mặt phố T nhìn vào (hiện do gia đình Ông Vũ Trí Đ quản lý sử dụng) có diện tích: 11,9m^2; có tổng giá trị nhà đất là: 5.050.669.400đ (năm tỷ, không trăm năm mươi triệu, sáu trăm sáu mươi chín nghìn, bốn trăm đồng). Ông Vũ Trí Đ được quản lý sử dụng phần gác xép gỗ có diện tích: 15,5m^2 có giá trị 7.114.500đ (bảy triệu, một trăm mười bốn nghìn, năm trăm đồng).

Bà Vũ Thị Q và Bà Vũ Thị H được sở hữu, sử dụng toàn bộ diện tích nhà đất tại tầng 1 phía bên trái từ mặt phố T nhìn vào có diện tích: 13,2m^2 (bao gồm lối đi từ phần nhà hai bà được chia ra khu phụ chung) có tổng giá trị nhà đất là: 5.602.423.200đ (năm tỷ, sáu trăm linh hai triệu, bốn trăm hai mươi ba nghìn, hai trăm đồng). Bà Vũ Thị Q và Bà Vũ Thị H được quản lý, sử dụng phần gác xép gỗ có diện tích 7,4m^2 có giá trị 3.396.600đ (ba triệu, ba trăm chín mươi sáu nghìn, sáu trăm đồng).

(Diện tích nhà đất các đương sự được chia có sơ đồ kèm theo bản án này).

[7] Ông Vũ Trí Đ có trách nhiệm thanh toán cho Bà Vũ Thị Q, Bà Vũ Thị H mỗi người số tiền chênh lệch theo kỷ phần là 749.819.267đ (bảy trăm bốn chín triệu, tám trăm mười chín nghìn, hai trăm sáu bảy đồng).

[8] Ghi nhận sự tự nguyện của Bà Vũ Thị Q và Bà Vũ Thị H yêu cầu hưởng chung mà không yêu cầu phân chia riêng biệt phần diện tích nhà hai bà được hưởng.

[9] Ông Vũ Trí Đ, Bà Vũ Thị Q, Bà Vũ Thị H được sử dụng chung diện tích sân, lối đi, phụ chung trong biển số nhà sử dụng chung thể hiện tại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: AĐ 967248, Ủy ban nhân dân quận Hoàn Kiếm cấp ngày 29/5/2006 cho cụ Vũ Đình M.

[10] Ông Vũ Trí Đ, Bà Vũ Thị Q, Bà Vũ Thị H có trách nhiệm đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục đăng ký cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với phần diện tích nhà đất được chia của bản án có hiệu lực theo quy định pháp luật.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án của bên được thi hành án, cho đến khi thi hành xong các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo qui định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận về việc thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

[11] Về án phí: ông Vũ Trí Đ được miễn nộp án phí dân sự sơ thẩm và án phí dân sự phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực thi hành kể từ ngày Tòa tuyên án.

Nơi nhận:
- *VKS NDTP Hà Nội;*
- *TAND quận Hoàn Kiếm;*
- *Chi cục THADS quận Hoàn Kiếm;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thu Hồng